**I. Tips**

|  |  |
| --- | --- |
| -The criterion of Coherence and Cohesion, which is 25% of your writing marks, is about linking and paragraphing  - All essays will have an introduction and conclusion - that is 2 paragraphs already. The body of the essay MUST be divided into different body paragraphs (usually either 2 or 3). That makes 4 or 5 paragraphs in total.  - Some teachers will tell you to plan for at least 5-10 minutes. You should have a clear outline of the following before you start your essay:  + identifying the issues in the essay question  + brainstorming main points  + choosing the best main points  + planning supporting points  + organising paragraphs  - When writing by hand or typing on computers, you should leave one line empty between each paragraph rather than indenting. | - Tính mạch lạc và gắn kết giữa các đoạn chiếm khoảng 25% số điểm trong bài  - Tất cả các bài viết sẽ có mở bài và kết luận - tức là đã có 2 đoạn văn. Phần thân bài PHẢI được chia thành các đoạn nội dung khác nhau (thường là 2 hoặc 3). Tổng cộng có 4 hoặc 5 đoạn.  - Sử dụng khoảng 5-10p để chuẩn bị dàn ý cho bài. Bạn nên có một dàn ý rõ ràng về những điều sau đây trước khi bắt đầu bài luận của mình:  + Xác định các vấn đề trong câu hỏi tiểu luận  + Đưa ra những điểm chính  + Chọn những ý chính hay nhất  + Chuẩn bị các luận điểm hỗ trợ  + Xây bố cục bài (4, 5 đoạn văn hay nhiều hơn)  - Giữa các đoạn văn để cách một dòng để phân đoạn. Không cần thụt lề vào một ô khi bắt đầu đoạn văn. |
| Opinion Essay: This type of essay is where you are presented with someone else's opinion and you are asked if you agree or disagree with it. The opinion is often flawed or extreme in its views. Some teachers call this the Argumentative Essay. The instructions can be written in a number of ways. Below are a few examples:  • To what extent do you agree?  • Do you agree?  • Do you agree or disagree?  • What is your opinion?  No matter how the instructions are written, you can take any position you want: agree, disagree or partial agreement (balanced view). | Loại bài luận này là nơi bạn được trình bày ý kiến của người khác. Thường bạn sẽ được hỏi bạn đồng ý hay không đồng ý với ý kiến đó. Ý kiến này thường có sai sót trong quan điểm của nó. Một số giáo viên gọi đây là Bài luận tranh luận. Các hướng dẫn có thể được viết bằng nhiều cách. Dưới đây là một số ví dụ:  • Bạn đồng ý ở mức độ nào?  • Bạn có đồng ý không?  • Bạn đồng ý hay không đồng ý?  • Ý kiến của bạn là gì?  Cho dù hướng dẫn được viết như thế nào, bạn có thể chắc chắn nhận bất kỳ quan điểm nào bạn muốn: đồng ý, không đồng ý hoặc đồng ý một phần (quan điểm cân bằng). |
| Discussion Essay: This type of essay presents you with a statement and you must present the two sides. This might be two sides of the same issue or it might be two separate issues which you need to discuss. | Loại bài luận này trình bày cho bạn một tuyên bố và bạn phải trình bày hai mặt. Đây có thể là hai mặt của cùng một vấn đề hoặc có thể đó là hai vấn đề riêng biệt mà bạn cần thảo luận. |
| Advantage Disadvantage Essays: There are two types of questions in this category.  - Advantage and Disadvantage Essay  This is similar to a discussion essay where you are given a statement must present the positive and negative side of the issue  - Outweigh Essay  This is by far the most difficult of the two essay types in this category. It requires you to present an opinion and explain your opinion. | Có hai loại câu hỏi trong thể loại này.  i) Tiểu luận Ưu điểm và Nhược điểm  Điều này tương tự như một bài luận thảo luận trong đó bạn được đưa ra một tuyên bố phải trình bày mặt tích cực và tiêu cực của vấn đề nào đó  ii) Bài luận vượt trội  Đây là loại bài khó nhất trong hai loại bài luận ở thể loại này. Nó đòi hỏi bạn phải trình bày ý kiến và giải thích ý kiến của mình. |
| Solution Essays: There are a number of types of possible questions in this category:  - Solution Only  - Cause Solution  - Problem Solution | Thường có 3 dạng trong thể loại này, với dạng đầu bạn chỉ cần đưa ra giải pháp giải quyết vấn đề, 2 dạng sau thì bạn cần khái quát qua nguyên nhân vấn đề từ đó mới đưa ra giải pháp |
| Direct Questions Essays: Some teachers call these the Two Question Essay. However, these types of essay questions might contain one, two or three questions for you to answer. In the question above, you are asked one specific question. Your whole essay must tackle this question only. | Dạng bài này thường chứa một, hai hoặc thậm chí ba câu hỏi cụ thể, toàn bộ bài luận của bạn đưa ra vấn đề nhằm giải quyết những câu hỏi này. |

**II. Những cụm từ nối trong bài viết**

**1. Các cụm từ mở đầu bài viết**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Tiếng Anh | Ý nghĩa |
| Paraphrase lại đề bài | + It is often said that …  + It is clear that …  + As can be seen, …  + In this day and age, …  + We live in an age when …  + …. is one of the most important/noticeable issues … | + Người ta thường nói rằng…  + Rõ ràng là…  + Như có thể thấy, …  + Thời buổi bây giờ, …  + Chúng ta sống trong một thời đại khi…  + … là một trong những vấn đề quan trọng nhất/đáng chú ý nhất |
| Đưa ra vấn đề, sự đồng tình | + There is no denying that …  + It is universally accepted that …  + I strongly agree with the given topic/ idea that … | + Không thể phủ nhận rằng …  + Nó được chấp nhận toàn cầu rằng  + Tôi hoàn toàn đồng ý với chủ đề/ ý tưởng đã cho rằng |
| Nêu ý kiến của bản thân | + From my point of view…  + From my perspective…  + To my way of thinking…  + It seems to me that…  + My own view on the matter is…  + As far as I am concerned… | + Theo quan điểm của tôi…  + Từ quan điểm của tôi…  + Theo cách suy nghĩ của tôi…  + Theo tôi thì…  + Quan điểm của riêng tôi về vấn đề này là  + Theo như tôi quan tâm… |

**2. Các cụm từ nối trong thân bài**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Tiếng Anh | Ý nghĩa |
| Từ nối theo thứ tự | + Firstly -> Secondly -> …  + First and foremost…  + Initially…  + To begin/start with…  + Then/ After that…  + Next… | + Thứ nhất -> Thứ hai ->  + Đầu tiên và quan trọng nhất…  + Ban đầu…  + Để bắt đầu/bắt đầu với…  + Sau tất cả…  + Tiếp đến… |
| Từ nối thể hiện đối lập | + On the one hand… - On the other hand…  + Other people think/believe that… | + Mặt khác, một mặt - mặt khác  + Những người khác nghĩ/tin rằng… |
| Từ nối thể hiện sự bổ sung | + Besides/In addition…  + Furthermore/ Moreover …  + Likewise/ Similarly…  + Apart from that… | + Ngoài ra/ngoài ra  + Hơn nữa/ hơn nữa  + Tương tự như vậy/ tương tự  + Ngoài điều đó… |
| Từ nối đưa ra ví dụ | + As an example/ For example/ For instance…  + Like/As/Such as…  + Particularly/In particular/Especially…  + To show/give an example…  + As an evidence…  + To illustrate…  + A typical case… | + Ví dụ như một ví dụ/ ví dụ/ ví dụ  + Như/as/chẳng hạn như…  + Đặc biệt/đặc biệt/đặc biệt là  +  + Để đưa ra một ví dụ…  + Như một bằng chứng…  + Để minh họa…  + Một trường hợp điển hình… |

**3. Các cụm từ kết luận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Tiếng Anh | Ý nghĩa |
| Kết luận cho bài nêu ý kiến | + In conclusion/ In summary/In general/ In short…  + To conclude/ To sum up/ To summarise …  + To draw the conclusion…  + All things considered… | + Tóm lại/ tóm tắt/ nói chung/ nói chung  + Để kết luận/ tổng hợp/ để tóm tắt  + Để rút ra kết luận…  + Tất cả mọi thứ đã được cân nhắc… |
| Kết luận cho bài hai mặt đối lập | + Weighing up both sides of argument…  + Taking everything into consideration… | + Cân nặng cả hai mặt của cuộc tranh luận  + Lấy tất cả mọi thứ vào xem xét… |